

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định khu vực không được phép chăn nuôi,  
vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở  
chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;  
Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của  
Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;  
Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều  
của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;  
Xét Tờ trình số 6135/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Trà Vinh dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép  
chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trên  
địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến  
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động chăn nuôi, nuôi chim yến; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

## **Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi**

1. Khu vực các chợ, cơ quan nhà nước, cơ sở y tế, trường học, khu tưởng niệm, công trình tôn giáo, tín ngưỡng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm tham quan, du lịch, khu vực tập trung đông dân cư, khu tái định cư, các công trình công cộng khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.

2. Các phường và các thị trấn trên địa bàn tỉnh.

3. Khoảng cách an toàn trong chăn nuôi áp dụng theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

4. Đối với khu vực tập trung đông dân cư; trường hợp cần phát triển chăn nuôi trong khu vực quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cụ thể.

## **Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến**

Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này.

## **Điều 4. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi**

1. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ một lần chi phí tính theo quy mô chăn nuôi cho tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. Quy mô chăn nuôi được quy định tại khoản 2 Điều 21 của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

b) Mức hỗ trợ

- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 7.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi.
- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: 5.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi.
- Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: 3.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi.
- Chăn nuôi nông hộ: 2.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Chăn nuôi gia súc, gia cầm thuộc giống vật nuôi được phép chăn nuôi.

b) Phải kê khai với Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi xây dựng cơ sở chăn nuôi di dời đến theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi trước khi làm thủ tục hỗ trợ.

c) Chuồng nuôi phải di dời được xây dựng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trong khu vực không được phép chăn nuôi được quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này; hoặc khu vực không đảm bảo điều kiện chăn nuôi theo quy định tại Điều 56 của Luật Chăn nuôi; hoặc khu vực không phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

d) Đối với chăn nuôi nông hộ: Chỉ được hỗ trợ khi thu nhập từ chăn nuôi là nguồn thu nhập chính của nông hộ.

### **Điều 5. Phương thức và nguồn kinh phí thực hiện**

1. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.
2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác.

### **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thuộc khu vực quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp.

2. Cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không thuộc khu vực quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 phải hoàn thiện điều kiện chăn nuôi đáp ứng quy định.

3. Nhà yến đã hoạt động trong vùng không được phép nuôi trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Khi các văn bản quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Những hành vi vi phạm quy định trong hoạt động chăn nuôi và nuôi chim yến được xử lý theo quy định của pháp luật.

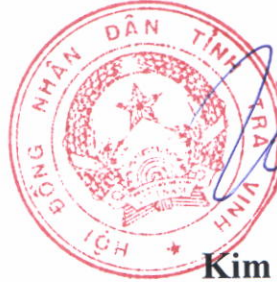
3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chi tiết, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh, khóa X - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./. *KV*

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: NN và PTNT, TP, TC, TN-MT
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TP, TC, NN và PTNT, TN-MT, Cục Thống kê, Cục Thuế tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT - TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**